

THỰC ĐƠN ĂN THÁNG 3

Thời gian ăn từ ngày 01/3/2025 đến ngày 31/3/2025

Số lượng người ăn: 704 HS

Thứ, ngày	Bữa sáng					Bữa trưa						Bữa tối						Tổng tiền cả ngày ăn
	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền	Tên món ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền	Tên món ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền	
Thứ 7 1/3/2025	Dầu thực vật Orchid	Lít	26	55.000	1.430.000													Giá trị ăn cả tháng
	Dầu rửa sunlinght can 3.6 ke	can	26	100.000	2.600.000													
	Cọ xoong	Bịch	2	50.000	100.000													
	Muối l ớt hạt to	Kg	85	6.000	510.000													
	Mỳ chính vedan	Kg	12	60.000	720.000													
Tổng tiền					5.360.000													5.360.000
Thứ 7 ngày 1/3/2025	Bánh mỳ nhân kem	gói	704	8000	5.632.000	Thịt lợn đậu phụ sốt cà chua. Canh rau cải. Cơm tẻ	Gạo tẻ	Kg	140	Cấp phát								
							Đậu phụ	Kg	60	25.000	1.500.000							
							Hành lá	kg	1,0	50.000	50.000							
							Cà chua	kg	5,0	20.000	100.000							
							Thịt vai, móng lợn	Kg	50	140.000	7.000.000							
							Rau cải	Kg	30	15.000	450.000							
Tổng tiền					5.632.000					9.100.000						0	14.732.000	
chủ nhật 2/3/2025												trứng vịt trắng. Canh rau cải. Cơm tẻ	Gạo tẻ	Kg	110	Cấp phát		
													Trứng vịt nhỡ	Quả	750	3.700	2.775.000	
													Hành lá	Kg	1,0	50.000	50.000	
													Rau cải	Kg	20	15.000	300.000	
Tổng tiền						0				0						3.125.000	3.125.000	

Thứ, ngày	Bữa sáng					Bữa trưa					Bữa tối					Tổng tiền cả ngày ăn		
	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền	Tên món ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền	Tên món ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành Tiền
Thứ hai 3/3/2025	Xôi thịt lợn băm	hộp	704	8.000	5.632.000	Thịt lợn rang. Canh rau cải. Cơm tẻ	Gạo tẻ	Kg	162	Cấp phát		Thịt lợn xào quả đỏ. Canh bí đỏ. Cơm tẻ	Gạo tẻ	Kg	162	Cấp phát		
							Thịt vai, móng lợn	Kg	97	140.000	13.580.000		Thịt vai, móng lợn	Kg	50	140.000	7.000.000	
							Hành lá	Kg	1,0	50.000	50.000		Quả đỏ	Kg	60	25.000	1.500.000	
							Rau cải	Kg	30	15.000	450.000		Bí đỏ	Kg	40	18.000	720.000	
											0		Hành lá	Kg	1,0	50.000	50.000	
							Tổng tiền				5.632.000							14.080.000
Thứ ba 4/3/2025	Xôi ruốc thịt lợn	hộp	704	8.000	5.632.000	Thịt lợn đậu phụ sốt cà chua. Canh rau cải. Cơm tẻ	Gạo tẻ	Kg	162	Cấp phát		Thịt gà ta lai rang gừng. Canh bí đỏ. Cơm tẻ	Gạo tẻ	Kg	162	Cấp phát		
							Thịt vai, móng lợn	Kg	50	140.000	7.000.000		Thịt gà ta lai	Kg	130,0	105.000	13.650.000	
							Đậu phụ	kg	60	25.000	1.500.000		Sốt	Kg	2	50.000	100.000	
							Cà chua	kg	5	20.000	100.000		Gừng	Kg	40	18.000	720.000	
							Hành lá	Kg	1	50.000	50.000		Bí đỏ	Kg	40	18.000	720.000	
							Rau cải	Kg	30	15.000	450.000							
Tổng tiền				5.632.000						9.100.000						14.470.000	29.202.000	
Thứ tư ngày 5/3/2025	Bánh mỳ nhân đồ	gói	704	8000	5.632.000	Thịt lợn xào bí xanh. Canh rau cải. Cơm tẻ	Gạo tẻ	Kg	162	Cấp phát		Thịt lợn xào quả su su. Canh bí đỏ. Cơm tẻ	Gạo tẻ	Kg	162	Cấp phát		
							Thịt vai, móng lợn	Kg	50	140.000	7.000.000		Hành lá	Kg	1,0	50.000	50.000	
							Hành lá	Kg	1,0	50.000	50.000		Quả su su	kg	60	18.000	1.080.000	
							Rau cải	Kg	30	15.000	450.000		Thịt vai, móng lợn	kg	50	140.000	7.000.000	
							Bí xanh	Kg	65	17.000	1.105.000		Bí đỏ	Kg	40	18.000	720.000	
							Tổng tiền				5.632.000							8.605.000
Thứ năm 6/3/2025	Xôi thịt lợn băm	hộp	704	8.000	5.632.000	Thịt lợn đậu phụ sốt cà chua. Canh rau cải. Cơm tẻ	Gạo tẻ	Kg	162	Cấp phát		Thịt lợn xào quả đỏ. Canh bí đỏ. Cơm tẻ	Gạo tẻ	Kg	162	Cấp phát		
							Thịt vai, móng lợn	Kg	50	140.000	7.000.000		Thịt vai, móng lợn	Kg	50,0	140.000	7.000.000	
							Đậu phụ	kg	60	25.000	1.500.000		Hành lá	Kg	1,0	50.000	50.000	
							Cà chua	kg	5	20.000	100.000		Bí đỏ	Kg	40	18.000	720.000	
							Rau cải	Kg	30	15.000	450.000		Quả đỏ	Kg	60	25.000	1.500.000	
							Hành lá	Kg	1,0	50.000	50.000							
Tổng tiền				5.632.000						9.100.000						9.270.000	24.002.000	



Thứ, ngày	Bữa trưa				Bữa tối				Tổng tiền cả ngày ăn								
	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Thành tiền	Tên món ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền						
Thứ sáu 7/3/2025	Xôi rức thịt lợn	hộp	704	8.000	Thịt lợn xay rang. Canh rau cải. Com tẻ	Gạo tẻ	Kg	162	Cấp phát	Gạo tẻ	Kg	162	Cấp phát				
						Thịt vai, móng lợn	Kg	97	140.000	13.580.000	Hành lá	Kg	1,0	50.000	50.000		
						Hành lá	Kg	1,0	50.000	50.000	Quả su su	kg	60	18.000	1.080.000		
						Rau cải	Kg	30	15.000	450.000	Thịt vai, móng lợn	kg	50	140.000	7.000.000		
										0	Bí đỏ	Kg	40	18.000	720.000		
Tổng tiền									14.080.000				8.850.000	28.562.000			
Thứ 7 ngày 8/3/2025	Bánh mỳ nhân kem	gói	704	8000	Thịt lợn đầu phụ sốt cà chua. Canh rau cải. Com tẻ	Gạo tẻ	Kg	140	Cấp phát								
						Đậu phụ	Kg	60	25.000	1.500.000							
						Hành lá	kg	1,0	50.000	50.000							
						Cà chua	kg	5,0	20.000	100.000							
						Thịt vai, móng lợn	Kg	50	140.000	7.000.000							
Tổng tiền									9.100.000					0	14.732.000		
chủ nhật 9/3/2025					trứng vịt trắng. Canh rau cải. Com tẻ	Gạo tẻ	Kg	110	Cấp phát	Gạo tẻ	Kg	110	Cấp phát				
										Trứng vịt nhỏ	Quả	750	3.700	2.775.000			
										Hành lá	Kg	1,0	50.000	50.000			
										Rau cải	Kg	20	15.000	300.000			
						Tổng tiền									0		
Thứ hai 10/3/2025	Xôi thịt lợn băm	hộp	704	8.000	Thịt lợn rang. Canh rau bắp cải. Com tẻ	Gạo tẻ	Kg	162	Cấp phát	Gạo tẻ	Kg	162	Cấp phát				
						Thịt vai, móng lợn	Kg	97	140.000	13.580.000	Thịt vai, móng lợn	Kg	50	140.000	7.000.000		
						Hành lá	Kg	1,0	50.000	50.000	Quả đỗ	Kg	60	25.000	1.500.000		
						Rau bắp cải	Kg	30	15.000	450.000	Bí đỏ	Kg	40	18.000	720.000		
						Tổng tiền									0		

Thứ, ngày	Bữa sáng					Bữa trưa					Bữa tối					Tổng tiền cả ngày ăn		
	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền	Tên món ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền	Tên món ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành Tiền
Thứ ba 11/3/2025	Xôi ruốc thịt lợn	hộp	704	8.000	5.632.000	Thịt lợn đậu phụ sốt cà chua. Canh rau bắp cải. Cơm tẻ	Gạo tẻ	Kg	162	Cấp phát		Thịt gà ta lai rang gừng. Canh bí đỏ. Cơm tẻ	Gạo tẻ	Kg	162	Cấp phát		
							Thịt vai, móng lợn	Kg	50	140.000	7.000.000		Thịt gà ta lai sống	Kg	130,0	105.000	13.650.000	
							Đậu phụ	kg	60	25.000	1.500.000		Gừng	Kg	2	50.000	100.000	
							Cà chua	kg	5	20.000	100.000		Bí đỏ	Kg	40	18.000	720.000	
							Hành lá	Kg	1	50.000	50.000							
							Rau bắp cải	Kg	30	15.000	450.000							
Tổng tiền					5.632.000					9.100.000						14.470.000	29.202.000	
Thứ tư ngày 12/3/2025	Bánh mỳ nhân đỗ	gói	704	8000	5.632.000	Thịt lợn xào bí xanh. Canh rau bắp cải. Cơm tẻ	Gạo tẻ	Kg	162	Cấp phát		Thịt lợn xào quả su su. Canh bí đỏ. Cơm tẻ	Gạo tẻ	Kg	162	Cấp phát		
							Thịt vai, móng lợn	Kg	50	140.000	7.000.000		Hành lá	Kg	1,0	50.000	50.000	
							Hành lá	Kg	1,0	50.000	50.000		Quả su su	kg	60	18.000	1.080.000	
							Rau bắp cải	Kg	30	15.000	450.000		Thịt vai, móng lợn	kg	50	140.000	7.000.000	
							Bí xanh	Kg	65	17.000	1.105.000		Bí đỏ	Kg	40	18.000	720.000	
Tổng tiền					5.632.000					8.605.000						8.850.000	23.087.000	
Thứ năm 13/3/2025	Xôi thịt lợn băm	hộp	704	8.000	5.632.000	Thịt lợn đậu phụ sốt cà chua. Canh rau bắp cải. Cơm tẻ	Gạo tẻ	Kg	162	Cấp phát		Thịt lợn xào quả đỗ. Canh bí đỏ. Cơm tẻ	Gạo tẻ	Kg	162	Cấp phát		
							Thịt vai, móng lợn	Kg	50	140.000	7.000.000		Thịt vai, móng lợn	Kg	50,0	140.000	7.000.000	
							Đậu phụ	kg	60	25.000	1.500.000		Hành lá	Kg	1,0	50.000	50.000	
							Cà chua	kg	5	20.000	100.000		Bí đỏ	Kg	40	18.000	720.000	
							Rau bắp cải	Kg	30	15.000	450.000		Quả đỗ	Kg	60	25.000	1.500.000	
							Hành lá	Kg	1,0	50.000	50.000							
Tổng tiền					5.632.000					9.100.000						9.270.000	24.002.000	
Thứ sáu 14/3/2025	Xôi ruốc thịt lợn	hộp	704	8.000	5.632.000	Thịt lợn xay rang. Canh rau bắp cải. Cơm tẻ	Gạo tẻ	Kg	162	Cấp phát		Thịt lợn xào quả su su. Canh bí đỏ. Cơm tẻ	Gạo tẻ	Kg	162	Cấp phát		
							Thịt vai, móng lợn	Kg	97	140.000	13.580.000		Hành lá	Kg	1,0	50.000	50.000	
							Hành lá	Kg	1,0	50.000	50.000		Quả su su	kg	60	18.000	1.080.000	
							Rau bắp cải	Kg	30	15.000	450.000		Thịt vai, móng lợn	kg	50	140.000	7.000.000	
										0			Bí đỏ	Kg	40	18.000	720.000	
Tổng tiền					5.632.000					14.080.000						8.850.000	28.562.000	

Thứ, ngày	Bữa sáng					Bữa trưa					Bữa tối					Tổng tiền cả ngày ăn		
	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền	Tên món ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền	Tên món ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành Tiền
Thứ 7 ngày 15/3/2025	Bánh mì nhân kem	gói	704	8000	5.632.000	Thịt lợn đậu phụ sốt cà chua. Canh rau bắp cải. Cơm tẻ	Gạo tẻ	Kg	140	Cấp phát								
							Đậu phụ	Kg	60	25.000	1.500.000							
							Hành lá	kg	1,0	50.000	50.000							
							Cà chua	kg	5,0	20.000	100.000							
							Thịt vai, móng lợn	Kg	50	140.000	7.000.000							
							Rau bắp cải	Kg	30	15.000	450.000							
Tổng tiền					5.632.000					9.100.000						0	14.732.000	
chủ nhật 16/3/2025												trứng vịt trắng. Canh rau cải. Cơm tẻ	Gạo tẻ	Kg	110	Cấp phát		
													Trứng vịt nhỏ	Quả	750	3.700	2.775.000	
													Hành lá	Kg	1,0	50.000	50.000	
													Rau bắp cải	Kg	20	15.000	300.000	
Tổng tiền					0					0							3.125.000	3.125.000
Thứ hai 17/3/2025	Xôi thịt lợn băm	hộp	704	8.000	5.632.000	Thịt lợn rang. Canh rau cải. Cơm tẻ	Gạo tẻ	Kg	162	Cấp phát		Thịt lợn xào quả ớt. Canh bí đỏ. Cơm tẻ	Gạo tẻ	Kg	162	Cấp phát		
							Thịt vai, móng lợn	Kg	97	140.000	13.580.000		Thịt vai, móng lợn	Kg	50	140.000	7.000.000	
							Hành lá	Kg	1,0	50.000	50.000		Quả ớt	Kg	60	25.000	1.500.000	
							Rau cải	Kg	30	15.000	450.000		Bí đỏ	Kg	40	18.000	720.000	
											0		Hành lá	Kg	1,0	50.000	50.000	
Tổng tiền					5.632.000					14.080.000						9.270.000	28.982.000	
Thứ ba 18/3/2025	Xôi rước thịt lợn	hộp	704	8.000	5.632.000	Thịt lợn đậu phụ sốt cà chua. Canh rau cải. Cơm tẻ	Gạo tẻ	Kg	162	Cấp phát		Thịt gà ta lai rang gừng. Canh bí đỏ. Cơm tẻ	Gạo tẻ	Kg	162	Cấp phát		
							Thịt vai, móng lợn	Kg	50	140.000	7.000.000		Thịt gà ta lai sống	Kg	130,0	105.000	13.650.000	
							Đậu phụ	kg	60	25.000	1.500.000		Gừng	Kg	2	50.000	100.000	
							Cà chua	kg	5	20.000	100.000		Bí đỏ	Kg	40	18.000	720.000	
							Hành lá	Kg	1	50.000	50.000							
							Rau cải	Kg	30	15.000	450.000							
Tổng tiền					5.632.000					9.100.000						14.470.000	29.202.000	

Thứ, ngày	Bữa sáng					Bữa trưa						Bữa tối						Tổng tiền cả ngày ăn
	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền	Tên món ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền	Tên món ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền	
Thứ tư ngày 19/3/2025	Bánh mỳ nhân đỗ	gói	704	8.000	5.632.000	Thịt lợn xào bí xanh. Canh rau cải. Cơm tẻ	Gạo tẻ	Kg	162	Cấp phát		Thịt lợn xào quả su su. Canh bí đỏ. Cơm tẻ	Gạo tẻ	Kg	162	Cấp phát		
							Thịt vai, móng lợn	Kg	50	140.000	7.000.000		Hành lá	Kg	1,0	50.000	50.000	
							Hành lá	Kg	1,0	50.000	50.000		Quả su su	kg	60	18.000	1.080.000	
							Rau cải	Kg	30	15.000	450.000		Thịt vai, móng lợn	kg	50	140.000	7.000.000	
							Bí xanh	Kg	65	17.000	1.105.000		Bí đỏ	Kg	40	18.000	720.000	
											8.605.000						8.850.000	23.087.000
Tổng tiền					5.632.000					8.605.000						8.850.000	23.087.000	
Thứ năm 20/3/2025	Xôi thịt lợn băm	hộp	704	8.000	5.632.000	Thịt lợn đậu phụ sốt cà chua. Canh rau cải. Cơm tẻ	Gạo tẻ	Kg	162	Cấp phát		Thịt lợn xào quả đỗ. Canh bí đỏ. Cơm tẻ	Gạo tẻ	Kg	162	Cấp phát		
							Thịt vai, móng lợn	Kg	50	140.000	7.000.000		Thịt vai, móng lợn	Kg	50,0	140.000	7.000.000	
							Đậu phụ	kg	60	25.000	1.500.000		Hành lá	Kg	1,0	50.000	50.000	
							Cà chua	kg	5	20.000	100.000		Bí đỏ	Kg	40	18.000	720.000	
							Rau cải	Kg	30	15.000	450.000		Quả đỗ	Kg	60	25.000	1.500.000	
							Hành lá	Kg	1,0	50.000	50.000							
Tổng tiền					5.632.000					9.100.000					9.270.000	24.002.000		
Thứ sáu 21/3/2025	Xôi ruốc thịt lợn	hộp	704	8.000	5.632.000	Thịt lợn xay rang. Canh rau cải. Cơm tẻ	Gạo tẻ	Kg	162	Cấp phát		Thịt lợn xào quả su su. Canh bí đỏ. Cơm tẻ	Gạo tẻ	Kg	162	Cấp phát		
							Thịt vai, móng lợn	Kg	97	140.000	13.580.000		Hành lá	Kg	1,0	50.000	50.000	
							Hành lá	Kg	1,0	50.000	50.000		Quả su su	kg	60	18.000	1.080.000	
							Rau cải	Kg	30	15.000	450.000		Thịt vai, móng lợn	kg	50	140.000	7.000.000	
											0		Bí đỏ	Kg	40	18.000	720.000	
											14.080.000						8.850.000	28.562.000
Tổng tiền					5.632.000					14.080.000						8.850.000	28.562.000	
Thứ 7 ngày 22/3/2025	Bánh mỳ nhân kem	gói	704	8000	5.632.000	Thịt lợn đậu phụ sốt cà chua. Canh rau cải. Cơm tẻ	Gạo tẻ	Kg	140	Cấp phát								
							Đậu phụ	Kg	60	25.000	1.500.000							
							Hành lá	kg	1,0	50.000	50.000							
							Cà chua	kg	5,0	20.000	100.000							
							Thịt vai, móng lợn	Kg	50	140.000	7.000.000							
							Rau cải	Kg	30	15.000	450.000							
Tổng tiền					5.632.000					9.100.000					0	14.732.000		
chủ nhật 23/3/2025											trứng vịt trắng. Canh rau cải. Cơm tẻ	Gạo tẻ	Kg	110	Cấp phát			
										Trứng vịt nhỏ		Quả	750	3.700	2.775.000			
										Hành lá		Kg	1,0	50.000	50.000			
										Rau cải		Kg	20	15.000	300.000			
Tổng tiền					0					0							3.125.000	3.125.000

Thứ, ngày	Bữa sáng						Bữa trưa					Bữa tối						Tổng tiền cả ngày ăn
	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền	Tên món ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền	Tên món ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền	
Thứ hai 24/3/2025	Xôi thịt lợn băm	hộp	704	8.000	5.632.000	Thịt lợn rang. Canh rau cải. Cơm tẻ	Gạo tẻ	Kg	162	Cấp phát		Thịt lợn xào quả đu đủ. Canh bí đỏ. Cơm tẻ	Gạo tẻ	Kg	162	Cấp phát		
							Thịt vai, móng lợn	Kg	97	140.000	13.580.000		Thịt vai, móng lợn	Kg	50	140.000	7.000.000	
							Hành lá	Kg	1,0	50.000	50.000		Quả đu đủ	Kg	60	25.000	1.500.000	
							Rau cải	Kg	30	15.000	450.000		Bí đỏ	Kg	40	18.000	720.000	
											0		Hành lá	Kg	1,0	50.000	50.000	
Tổng tiền					5.632.000											9.270.000	28.982.000	
Thứ ba 25/3/2025	Xôi ruốc thịt lợn	hộp	704	8.000	5.632.000	Thịt lợn đậu phụ sốt cà chua. Canh rau cải. Cơm tẻ	Gạo tẻ	Kg	162	Cấp phát		Thịt gà ta lai rang gừng. Canh bí đỏ. Cơm tẻ	Gạo tẻ	Kg	162	Cấp phát		
							Thịt vai, móng lợn	Kg	50	140.000	7.000.000		Thịt gà ta lai sống	Kg	130,0	105.000	13.650.000	
							Đậu phụ	kg	60	25.000	1.500.000		Gừng	Kg	2	50.000	100.000	
							Cà chua	kg	5	20.000	100.000		Bí đỏ	Kg	40	18.000	720.000	
							Hành lá	Kg	1	50.000	50.000							
							Rau cải	Kg	30	15.000	450.000							
Tổng tiền					5.632.000										14.470.000	29.202.000		
Thứ tư ngày 26/3/2025	Bánh mỳ nhân đỗ	gói	704	8000	5.632.000	Thịt lợn xào bí xanh. Canh rau cải. Cơm tẻ	Gạo tẻ	Kg	162	Cấp phát		Thịt lợn xào quả su su. Canh bí đỏ. Cơm tẻ	Gạo tẻ	Kg	162	Cấp phát		
							Thịt vai, móng lợn	Kg	50	140.000	7.000.000		Hành lá	Kg	1,0	50.000	50.000	
							Hành lá	Kg	1,0	50.000	50.000		Quả su su	kg	60	18.000	1.080.000	
							Rau cải	Kg	30	15.000	450.000		Thịt vai, móng lợn	kg	50	140.000	7.000.000	
							Bí xanh	Kg	65	17.000	1.105.000		Bí đỏ	Kg	40	18.000	720.000	
Tổng tiền					5.632.000										8.850.000	23.087.000		
Thứ năm 27/3/2025	Xôi thịt lợn băm	hộp	704	8.000	5.632.000	Thịt lợn đậu phụ sốt cà chua. Canh rau cải. Cơm tẻ	Gạo tẻ	Kg	162	Cấp phát		Thịt lợn xào quả đu đủ. Canh bí đỏ. Cơm tẻ	Gạo tẻ	Kg	162	Cấp phát		
							Thịt vai, móng lợn	Kg	50	140.000	7.000.000		Thịt vai, móng lợn	Kg	50,0	140.000	7.000.000	
							Đậu phụ	kg	60	25.000	1.500.000		Hành lá	Kg	1,0	50.000	50.000	
							Cà chua	kg	5	20.000	100.000		Bí đỏ	Kg	40	18.000	720.000	
							Rau cải	Kg	30	15.000	450.000		Quả đu đủ	Kg	60	25.000	1.500.000	
							Hành lá	Kg	1,0	50.000	50.000							
Tổng tiền					5.632.000										9.270.000	24.002.000		

Thứ, ngày	Bữa sáng					Bữa trưa					Bữa tối					Tổng tiền cả ngày ăn		
	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền	Tên món ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền	Tên món ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành Tiền
Thứ sáu 28/3/2025	Xôi rước thịt lợn	hộp	704	8.000	5.632.000	Thịt lợn xay rang. Canh rau cải. Cơm tẻ	Gạo tẻ	Kg	162	Cấp phát		Thịt lợn xào quả su su. Canh bí đỏ. Cơm tẻ	Gạo tẻ	Kg	162	Cấp phát		
							Thịt vai, móng lợn	Kg	97	140.000	13.580.000		Hành lá	Kg	1,0	50.000	50.000	
							Hành lá	Kg	1,0	50.000	50.000		Quả su su	kg	60	18.000	1.080.000	
							Rau cải	Kg	30	15.000	450.000		Thịt vai, móng lợn	kg	50	140.000	7.000.000	
											0		Bí đỏ	Kg	40	18.000	720.000	
							Tổng tiền						5.632.000					14.080.000
Thứ 7 ngày 29/3/2025	Bánh mỳ nhân kem	gói	704	8000	5.632.000	Thịt lợn đậu phụ sốt cà chua. Canh rau cải. Cơm tẻ	Gạo tẻ	Kg	140	Cấp phát								
							Đậu phụ	Kg	60	25.000	1.500.000							
							Hành lá	kg	0,84	50.000	42.000							
							Cà chua	kg	5,0	20.000	100.000							
							Thịt vai, móng lợn	Kg	50	140.000	7.000.000							
							Rau cải	Kg	29	15.000	435.000							
Tổng tiền					5.632.000					9.077.000					0	14.709.000		
chủ nhật 30/3/2025												trứng vịt trắng. Canh rau cải. Cơm tẻ	Gạo tẻ	Kg	110	Cấp phát		
											Trứng vịt nở		Quả	750	3.700	2.775.000		
											Hành lá		Kg	1,0	50.000	50.000		
											Rau cải		Kg	20	15.000	300.000		
Tổng tiền					0					0							3.125.000	3.125.000
Thứ hai 31/3/2025	Xôi thịt lợn băm	hộp	704	8.000	5.632.000	Thịt lợn rang. Canh rau cải. Cơm tẻ	Gạo tẻ	Kg	162	Cấp phát		Thịt lợn xào quả đỗ. Canh bí đỏ. Cơm tẻ	Gạo tẻ	Kg	162	Cấp phát		
							Thịt vai, móng lợn	Kg	97	140.000	13.580.000		Thịt vai, móng lợn	Kg	50	140.000	7.000.000	
							Hành lá	Kg	1,0	50.000	50.000		Quả đỗ	Kg	60	25.000	1.500.000	
							Rau cải	Kg	30	15.000	450.000		Bí đỏ	Kg	40	18.000	720.000	

Thứ, ngày	Bữa sáng					Bữa trưa						Bữa tối						Tổng tiền cả ngày ăn
	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền	Tên món ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền	Tên món ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền	
											0		Hành lá	Kg	1,0	50.000	50.000	
Tổng tiền					5.632.000						14.080.000						9.270.000	28.982.000
Tổng cộng tháng 3																		658.944.000

Người lập
(Ký, họ tên)



Nguyễn Thị Hường

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Dương Tiến Công